TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 05/2024/QĐST-DS	*S, ngày 06 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Căn cứ vào biên hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 90/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Vũ Thị N** – Sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Ông **Trịnh Công H** – Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ tranh chấp: Bà Vũ Thị N và ông Trịnh Công H nhất trí thỏa thuận như sau:

Ông Trịnh Công H có trách nhiệm thanh toán cho bà Vũ Thị N số tiền **58.834.000đ** (***Năm mươi tám triệu tám trăm ba mươi tư nghìn đồng***). Về phương thức thanh toán: Ông Trịnh Công H và bà Vũ Thị N tự thỏa thuận.

Người nhận tiền: Bà **Vũ Thị N** – Sinh năm: 1963. Địa chỉ: Thôn Kim Xuyên, xã Hồng Lạc, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Vũ Thị N được miễn nộp tiền án phí (Bà N là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí). Trả lại cho bà Vũ Thị N số tiền 1.470.850đ tiền tạm ứng án phí dân sự có giá ngạch theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23, số: 0001271, ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

+ Ông Trịnh Công H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 735.425đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Cường